

Bản số: 514/2017/HNGĐ-ST  
Ngày 15 - 8 - 2017  
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, TP. HẢI PHÒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Hồng Lý

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Doãn Văn Sáng

Bà Nguyễn Thị Lương

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Đinh Hữu Hảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:*** Ông Phạm Đình Hiến - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 208/2017/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2017 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 281/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Chị Đỗ Thị H, sinh năm 1991; đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn X, xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng; địa chỉ hiện nay: Thôn Y, xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng; có mặt.

***- Bị đơn:*** Anh Bùi Văn C, sinh năm 1986; đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn X, xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng; hiện đang chấp hành án phạt tù tại Phân trại số 2, trại giam Xuân Nguyên, địa chỉ: Xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 3 năm 2017, các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị Đỗ Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh Bùi Văn C kết hôn với nhau vào năm 2009 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng (Giấy chứng nhận kết hôn số 49 đăng ký ngày 05 tháng 6 năm 2009). Sau khi cưới, vợ chồng sinh sống tại thôn X, xã K. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh C không quan tâm đến đời sống gia đình, anh C sa vào tệ nạn xã hội, chị tham gia khuyên bảo nhưng anh C không nghe nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau. Ngày 07 tháng 11 năm 2015, anh C đã có hành vi dùng dao gây thương tích cho chị, giảm 55% sức khỏe. Anh C bị kết án về tội giết người, bị xử phạt 13 năm tù và hiện đang chấp hành án tại trại giam. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc nên chị đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn anh C.

- Về con chung: Chị H và anh C có 02 con chung tên là Bùi Thị M sinh ngày 18 tháng 9 năm 2010 và Bùi Đức L sinh ngày 07 tháng 11 năm 2012. Chị trực tiếp nuôi 02 con từ khi anh C chấp hành án phạt tù cho đến nay, con khỏe mạnh và phát triển bình thường. Khi ly hôn chị đề nghị được tiếp tục nuôi 02 con. Về cấp dưỡng nuôi con chung chị không yêu cầu nên không đề nghị giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị H và anh C không có tài sản chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại văn bản ghi ý kiến ngày 27 tháng 6 năm 2017, bị đơn là anh Bùi Văn C trình bày: Công nhận lời trình bày của chị H về điều kiện, thời gian và nơi đăng ký kết hôn là đúng. Quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Tháng 11 năm 2015, do có sự hiểu lầm giữa hai vợ chồng nên anh đã có hành vi dùng dao gây thương tích cho chị H và bị kết án 13 năm tù về tội giết người, hiện anh đang chấp hành án tại trại giam. Nay chị H xin ly hôn, anh đồng ý ly hôn với chị H. Anh C công nhận vợ chồng có 02 con chung như chị H trình bày và lời trình bày của chị H về con chung là đúng. Khi ly hôn anh C đồng ý để chị H tiếp tục nuôi 02 con, hiện anh C đang phải chấp hành án phạt tù nên không có điều kiện cấp dưỡng nuôi con cho chị H. Anh C và chị H không có tài sản chung nên anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng pháp luật tố tụng, những người tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật. Tòa án đã xác định đúng thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định đúng quan hệ pháp luật và những người tham gia tố tụng. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn và nuôi con chung của nguyên đơn. Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Chị Đỗ Thị H và anh Bùi Văn C đều thống nhất về điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn và có hai con chung như đã trình bày và phù hợp với bản sao giấy đăng ký kết hôn, bản sao giấy khai sinh của con chung mà chị Đỗ Thị H đã giao nộp cho Tòa án, phù hợp với tài liệu xác minh tại Ủy ban nhân dân xã K. Tài liệu xác minh tại địa phương thể hiện vợ chồng có mâu thuẫn từ năm 2015. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh C không quan tâm đến đời sống gia đình dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm. Ngày 07 tháng 11 năm 2015, anh C có hành vi dùng dao gây thương tích cho chị H, anh C bị kết án phạt tù và hiện đang chấp hành án tại trại giam.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về tố tụng:

Anh Bùi Văn C là bị đơn cư trú tại thôn X, xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng; hiện đang chấp hành án phạt tù tại trại giam Xuân Nguyên, vì vậy Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng có thẩm quyền giải quyết tranh chấp căn cứ theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Bùi Văn C vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh C đã được xác lập là hợp pháp (Giấy chứng nhận kết hôn số 49 đăng ký ngày 05 tháng 6 năm 2009 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng). Căn cứ vào lời khai của các đương sự, tài liệu điều tra xác minh đã xác định được mâu thuẫn vợ chồng có tồn tại làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo

dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị H được ly hôn anh C.

[3]. Về con chung:

Chị H và anh C có hai con chung tên là Bùi Thị M sinh ngày 18 tháng 9 năm 2010 và Bùi Đức L sinh ngày 07 tháng 11 năm 2012. Việc giao con chung cho ai nuôi cần phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Xét thấy, chị H trực tiếp nuôi hai con từ khi anh C chấp hành án cho đến nay, việc nuôi con đã ổn định, khi ly hôn chị H đề nghị được tiếp tục nuôi hai con, anh C đang phải chấp hành án không có điều kiện nuôi con. Do vậy, cần giao hai con chung cho chị H trực tiếp nuôi là phù hợp với các điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con chung:

Chị H không yêu cầu anh C phải có nghĩa vụ, anh C đang phải chấp hành án phạt tù nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. Về tài sản chung:

Chị H và anh C trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết trong vụ án này.

[6]. Về án phí:

Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Xử:

1. Về hôn nhân: Chị Đỗ Thị H được ly hôn anh Bùi Văn C.

2. Về con chung: Giao cho chị Đỗ Thị H trực tiếp nuôi hai con chung tên là Bùi Thị M sinh ngày 18 tháng 9 năm 2010 và Bùi Đức L sinh ngày 07 tháng 11 năm 2012 cho đến khi con đủ mười tám tuổi và có khả năng lao động, trừ trường hợp có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Đỗ Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000805 ngày 30 tháng 3 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, thành phố Hải Phòng. Chị Đỗ Thị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND TP.Hải Phòng;
- VKSND huyện T, HP;
- Chi cục THADS huyện T, HP;
- UBND xã K, huyện T, HP;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Hồng Lý**